

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 393/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969;

Bà Lê Thị T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn K ủy quyền cho bà Lê Thị T tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền đề ngày 25/12/2019)

* Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 341.255.000 (ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Thời gian trả tiền được thực hiện như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 12/3/2020, ông Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Lần thứ hai vào ngày 12/6/2020, ông Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Lần thứ ba vào ngày 12/9/2020, ông Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền 141.255.000 (một trăm bốn mươi một

triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 8.531.000 (tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn) đồng.

Buộc ông Phạm Văn M phải nộp án phí là 4.265.500 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng. Ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T phải nộp án phí là 4.265.500 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.531.000 (tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0010055 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền 4.265.500 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng theo biên lai nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan